TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 22/5/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hiền**;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thu;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2016/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2016.

Do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2014/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1339/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984;

Trú tại: Số a, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Bị đơn: Chị Trịnh Thị M, sinh năm1991;

Trú tại: Thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Anh T và chị M tự do tìm hiểu nhau khoảng hơn một tháng thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/12/2010. Sau khi kết hôn được 10 ngày, anh T sang Cộng hòa liên bang N lao động. Sau 3 tháng, anh T về phép và chung sống với chị M được khoảng 4 tháng, anh lại tiếp tục sang Cộng hòa liên bang N. Anh T và chị M vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M có những lời nói và thái độ không tôn trọng anh T và bố mẹ anh T. Khi chị M sinh con thứ nhất được khoảng 01 tuổi thì gia đình anh T làm thủ tục cho chị M sang Cộng hòa liên bang N đoàn tụ và cùng anh T làm kinh tế. Tại thời điểm này, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày cũng như khi làm kinh tế. Anh T góp ý nhưng chị M luôn tỏ thái độ không tiếp thu mà còn làm cho mâu thuẫn càng căng thẳng hơn. Chị M thách thức anh T ly hôn nên dù chị M mới sang với anh T được 2 tháng, chưa làm được gì để bù lại số tiền đã lo cho chị M sang Cộng hòa liên bang N, anh T vẫn quyết định mua vé cho hai vợ chồng về Việt Nam để giải quyết ly hôn. Sau đó, được bố mẹ anh T gọi điện sang khuyên giải nên anh T đã hủy vé để vợ chồng có thêm thời gian hiểu nhau hơn. Khi chị M mang thai con thứ hai, đến tháng thứ 6 thì anh T cho chị M về nước tiếp tục chung sống với bố mẹ đẻ của anh T và sinh con. Sau khi sinh con thứ hai, mâu thuẫn giữa anh T và chị M càng trầm trọng vì cách cư xử của chị M với anh T và với bố mẹ anh T khiến cho cả gia đình không yên ổn. Cũng vì cách sống không đúng lễ giáo của chị M nên gia đình chị M đã phải ba lần đến gia đình anh T xin lỗi. Từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa hai gia đình và đến tháng 5/2014 thì chị M đưa cả hai con về nhà bố mẹ đẻ của chị M. Sau một thời gian, chị M đưa cháu Vũ Thị Bảo N về cho bố mẹ anh T nuôi cho đến nay. Từ tháng 5/2014 đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị M có 02 con chung là Vũ Hà A, sinh ngày 20/01/2012, cháu thứ 2 là Vũ Thị Bảo N, sinh ngày 30/10/2013. Hiện chị M đang chăm sóc nuôi dưỡng cháu A, còn cháu Bảo N đang do bố mẹ anh T chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh T nhận nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Còn nếu chị M không đồng ý, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh T, chị M.

Chị M trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn thì như anh T đã trình bày là đúng. Còn về mâu thuẫn vợ chồng anh T trình bày không đúng. Chị M

không có thái độ vô lễ với bố mẹ chồng. Vợ chồng chị M vẫn gọi điện thăm hỏi, quan tâm đến nhau. Lời khai trước đây chị M chưa suy nghĩ kỹ nên mới đồng ý ly hôn. Nay chị M xác định chị M vẫn còn tình cảm với anh T và không muốn các con không có bố nên chị M không đồng ý ly hôn. Vì không đồng ý ly hôn nên chị M không có ý kiến về việc phân chia nuôi con. Còn về tài sản, chị xác định vợ chồng không có và không vay nợ ai, không ai vay nợ vợ chồng chị M, anh T.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2014/HNGĐ-ST ngày 19/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương quyết định: áp dụng Điều 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Trịnh Thị M;

2. Về con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Vũ Hà A, sinh ngày 20/01/2012; chị M nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Bảo N, sinh ngày 30/10/2013. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2014, bị đơn là chị Trịnh Thị M có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh Vũ Văn T, nếu phải ly hôn thì chị M xin được nuôi hai con chung là cháu Vũ Hà A và cháu Vũ Thị Bảo N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thống nhất được về giải quyết vụ án. Nguyên đơn anh Vũ Văn T không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Chị M thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể chị M đồng ý ly hôn với anh T và yêu cầu giải quyết về con chung theo hướng chị M được trực tiếp nuôi hai con chung vì chị M có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cho rằng chị M không đủ điều kiện kinh tế nuôi con, hiện anh T đã về nước kinh doanh ổn định, có thu nhập, không sang Cộng hòa liên bang N nữa nên có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, anh T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giao hai con cho anh T trực tiếp nuôi, anh T không yêu cầu chị M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo của chị Trịnh Thị M thấy rằng các bên đương sự đã thuận tình ly hôn và đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không

yêu cầu bên kia đóng góp tiền nuôi con. Xem xét điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của anh T và chị M thì cần giao cho mỗi người được trực tiếp nuôi một cháu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị M, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên quyết định về nuôi con chung tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2014/HNGĐ-ST ngày 19/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh tại hai bên gia đình cũng như diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, có đủ căn cứ xác định: Anh Vũ Văn T và chị Trịnh Thị M có đăng ký kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh T và chị M có 02 con chung là cháu Vũ Hà A, sinh ngày 20/01/2012 và cháu thứ hai là Vũ Thị Bảo N, sinh ngày 30/10/2013. Sau một thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn về quan điểm và lối sống. Vì vậy anh T đã làm đơn xin ly hôn chị M. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị M kháng cáo không đồng ý ly hôn anh T. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị M đồng ý ly hôn với anh T vì chị cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được; anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn chị M. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy các bên đã thuận tình ly hôn nên ghi nhận.

[2]. Về con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị M đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Vũ Hà A và cháu Vũ Thị Bảo N và đều không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Việc mong muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự. Xét thấy, anh T và chị M đều có công việc và thu nhập ổn định và đều được sự giúp đỡ của hai bên gia đình nên đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho mỗi bên nuôi một con chung, cụ thể giao anh T nuôi dưỡng cháu Vũ Hà A, chị M nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Bảo N là phù hợp với nguyện vọng của các bên, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu: Vũ Hà A và Vũ Thị Bảo N. Tuy nhiên, theo chị M khai và sự thừa nhận của anh T tại phiên tòa phúc thẩm thì từ năm 2014 đến nay cháu Vũ Thị Bảo N được bố mẹ anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Vũ Hà A ở với chị M cùng với bố mẹ chị M. Các bên gia đình đều chăm sóc các

cháu đảm bảo phát triển về mọi mặt. Để ổn định sinh hoạt và đảm bảo về mọi mặt cho các cháu, cần sửa quyết định về nuôi con của Bản án sơ thẩm, giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Bảo N, chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Hà A, các bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Trịnh Thị M là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, như đã phân tích trên, cần sửa quyết định của Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị M, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bảo N, chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A.

Do quyết định của Bản án sơ thẩm bị sửa nên chị M không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51,55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Trịnh Thị M, sửa quyết định tại Bản án sơ thẩm số 31/2014/HNGĐ-ST ngày 19/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết về " ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" giữa nguyên đơn là anh Vũ Văn T và bị đơn là chị Trịnh Thị M như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Trịnh Thị M.

- Về con chung: Xác định anh Vũ Văn T và chị Trịnh Thị M có 02 con chung là cháu Vũ Thị Bảo N, sinh ngày 30/10/2013 và cháu Vũ Hà A, sinh ngày 20/01/2012.

Giao cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi cháu Vũ Thị Bảo N, chị Trịnh Thị M trực tiếp nuôi cháu Vũ Hà A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T và chị M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung.

2. Về án phí:

- Chị Trịnh Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị M đã nộp

(do ông Vũ Xuân P nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai số AB/2014/001009 ngày 06/10/2014.

- Chị Trịnh Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị M đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai số AB/2014/002480 ngày 08/01/2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hiền